

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng, bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường -Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 16/2023/TB-TA ngày 28/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lương Thị L**, sinh năm 1980.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 1 thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Nhật Bản. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc Q**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Đội 1 thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người được chị L ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993. Địa chỉ: 436 Đ, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc Q kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/8/2000. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại địa phương, cuộc sống

vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc. Đến đầu năm 2018, anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Q không chăm lo cuộc sống gia đình và nghiện chất kích thích, bản thân chị cùng gia đình đã nhiều lần khuyên bảo và đưa anh Q đi đến các cơ sở cai nghiện nhưng không có kết quả khiến mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng. Tháng 12/2018, chị đi lao động tại Nhật Bản, do anh chị đã có những mâu thuẫn từ trước nên khi vợ chồng mỗi người ở một nơi tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không còn quan tâm, liên lạc với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Hồng S, sinh ngày 26/10/1998, hiện đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết; Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 31/12/2007 hiện đang ở cùng với anh Q. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thị Mai A cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Ngọc Q trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị L đã trình bày. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại địa phương, cuộc sống vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc. Thời gian sau này anh chị thống nhất để chị L đi lao động tại Nhật Bản, trong thời gian ở nước ngoài chị L thỉnh thoảng vẫn liên lạc và về phép thăm gia đình. Anh xác định vợ chồng mỗi người ở một nơi nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Nay chị L có đơn ly hôn, bản thân anh cũng không thể níu kéo được nên cũng đồng ý và đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Về con chung vợ chồng anh có hai con chung như chị L trình bày, hiện các cháu Nguyễn Thị Mai A đang ở cùng với anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Con chung Nguyễn Thị Mai A có nguyện vọng được ở cùng với bố là anh Nguyễn Ngọc Q.

Theo biên bản xác minh tại địa phương nơi các đương sự sinh sống và đăng ký kết hôn thể hiện: Chị Lương Thị L và anh Nguyễn Ngọc Q kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh Q nghiện chất kích thích, nhiều lần đi cai nghiện nhưng không thành nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Thời gian sau này, chị L đi lao động tại nước ngoài, anh chị mỗi người sống một nơi nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án xem xét ý kiến các đương sự và quy định pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Lương Thị L, bị đơn anh Nguyễn Ngọc Q vắng mặt và có đơn, quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX), các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị L ly hôn anh Nguyễn Ngọc Q; Về quan hệ nuôi con: Giao con chung Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 31/12/2007 cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện chị Lương Thị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.000.000 đồng/01tháng. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị Lương Thị L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lương Thị L hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng đã gửi đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị, đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đều có xác nhận của Đại sứ quán CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định đúng ý chí, nguyện vọng ly hôn của chị Lương Thị L và việc Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.Tại phiên tòa, chị L, anh Q vắng mặt và có đơn, đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L và anh Nguyễn Ngọc Q kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 07/8/2000, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, anh Q nghiện chất kích thích và được gia đình khuyến bảo và nhiều lần đưa vào cơ sở cai nghiện nhưng không có kết quả. Thời gian sau này, chị L đi nước ngoài, vợ chồng mỗi người ở một nơi và không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Bản thân anh Q thừa nhận vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm lạnh nhạt và cũng đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lương Thị L và anh Nguyễn Ngọc Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình, quan điểm của địa phương và của các đương sự. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Lương Thị L ly hôn anh Nguyễn Ngọc Q là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Lương Thị L và anh Nguyễn Ngọc Q có hai con chung là Nguyễn Hồng S, sinh ngày 26/10/1998, hiện đã trưởng thành

nên HĐXX không xem xét giải quyết; Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 31/12/2007. Xét về thực tế con chung Nguyễn Thị Mai A đang ở cùng với anh Q và có nguyện vọng ở với bố, chị L hiện nay đang sinh sống ở nước ngoài nên không có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị L nhất trí để anh Q nuôi con. Anh Q có sức khỏe, chỗ ở ổn định và có nguyện vọng nuôi con chung. Do vậy, HĐXX cần giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 31/12/2007 là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của con chung. Về cấp dưỡng cho con: Mặc dù anh Q không đề nghị chị L cấp dưỡng cho con tuy nhiên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên HĐXX cần chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng cho con là 1.000.000đ/tháng. Như vậy là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu chị L có căn cứ cho rằng anh Q không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh Q không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Chị Lương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Lương Thị L** ly hôn anh **Nguyễn Ngọc Q**.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Ngọc Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 31/12/2007. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lương Thị L cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Thị Mai A số tiền là 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Không ai được cản trở chị Lương Thị L thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Lương Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002129 ngày 11/7/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Chị Lương Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng cho con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Lương Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân